|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **Use Case Number:** | **UC5** | |
| **Use Case Name:** | **Create Location** | |
| **Actor (s):** | User, Administrator | |
| **Maturity:** | Focused | |
| **Summary:** | User, Administrator sử dụng để thêm các địa điểm kho mới | |
| **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Thực hiện đăng nhập **{Login Authentication}** |  |
|  | 2. Hệ thống sẽ hiện bảng điều khiển chung của odoo |
| 3. Actor chọn Inventory -> Configurations -> Locations |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách tất cả các địa điểm kho có sẵn thuộc công ty |
| 5. Actor chọn vào một địa điểm kho. |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị form thông tin chi tiết của địa điểm kho. |
| 7. Use case bắt đầu khi Actor chọn ‘Create’. **A1** |  |
|  | 8. Hệ thống hiển thị form thông tin địa điểm kho. |
| 9. Actor điền vào form thông tin. |  |
| 10. Actor chọn ‘Save’ thông tin. **A2** |  |
|  |  | 11. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập liệu. **E1** |
|  |  | 12. Hệ thống lưu thông tin vào CSDL. Kết thúc usecase |
| **Alternative Paths:** | **A1.** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Actor chọn ‘Edit’ thông tin |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa thông tin địa điểm kho. |
|  | 3. Actor chỉnh sửa thông tin nhập liệu. |  |
|  | 4.Actor chọn ‘Save’ thông tin.**A2** |  |
|  |  | Trở về bước 6 của Create Location |
|  | **A2**. Actor chọn ‘Discard’ thông tin. Trở về bước 6 của Create Location | |
| **Exception Paths:** | **E1.** Kiểm tra thông tin các trường dữ liệu nếu nhập chưa đủ hoặc sai thì hiện thông báo lỗi tại các ô nhập liệu. | |
| **Extension Points:** | không | |
| **Triggers:** | Actor muốn tạo mới địa điểm kho hàng | |
| **Assumptions:** | không | |
| **Preconditions:** | không | |
| **Post Conditions:** |  | |
| **Reference: Business Rules** |  | |
| **Author(s):** | XXXXX | |
| **Date:** | 11-14-07 | |
| **Activity Diagram:**  next page  , | | |